

GRDP thành phố Cần Thơ năm 2025

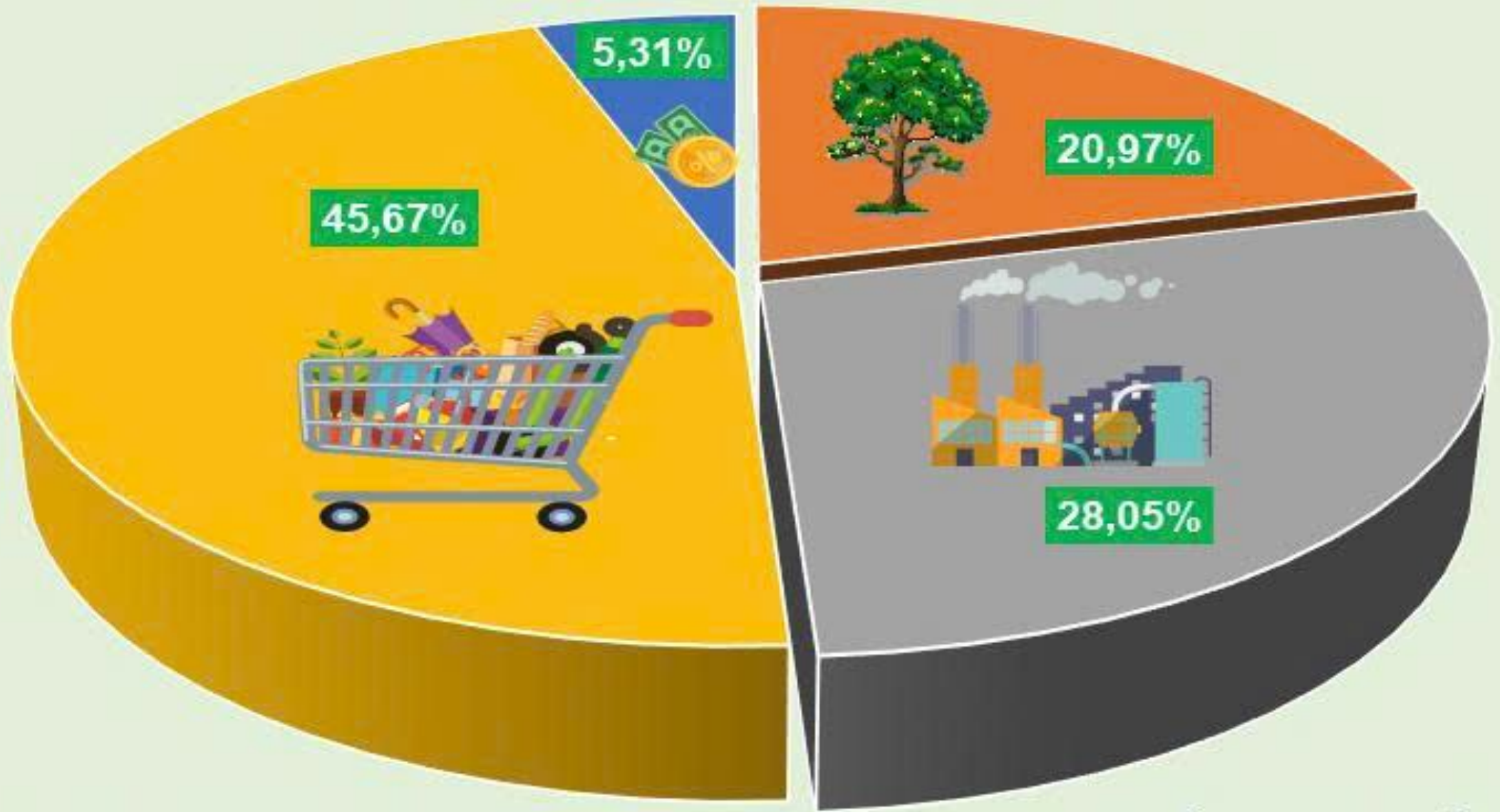
Tốc độ tăng GRDP
Ước năm 2025

▲ 7,23%



Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp
▲ 3,79%	▲ 8,01%	▲ 8,79%	▲ 4,99%

CƠ CẤU GRDP



NÔNG NGHIỆP (so với cùng kỳ)



CHĂN NUÔI (so với cùng kỳ)



Trâu

4.118 Con

▲ 0,27%

Bò

60.287 Con

▲ 1,07%

Heo

482.067 Con

▲ 6,25%

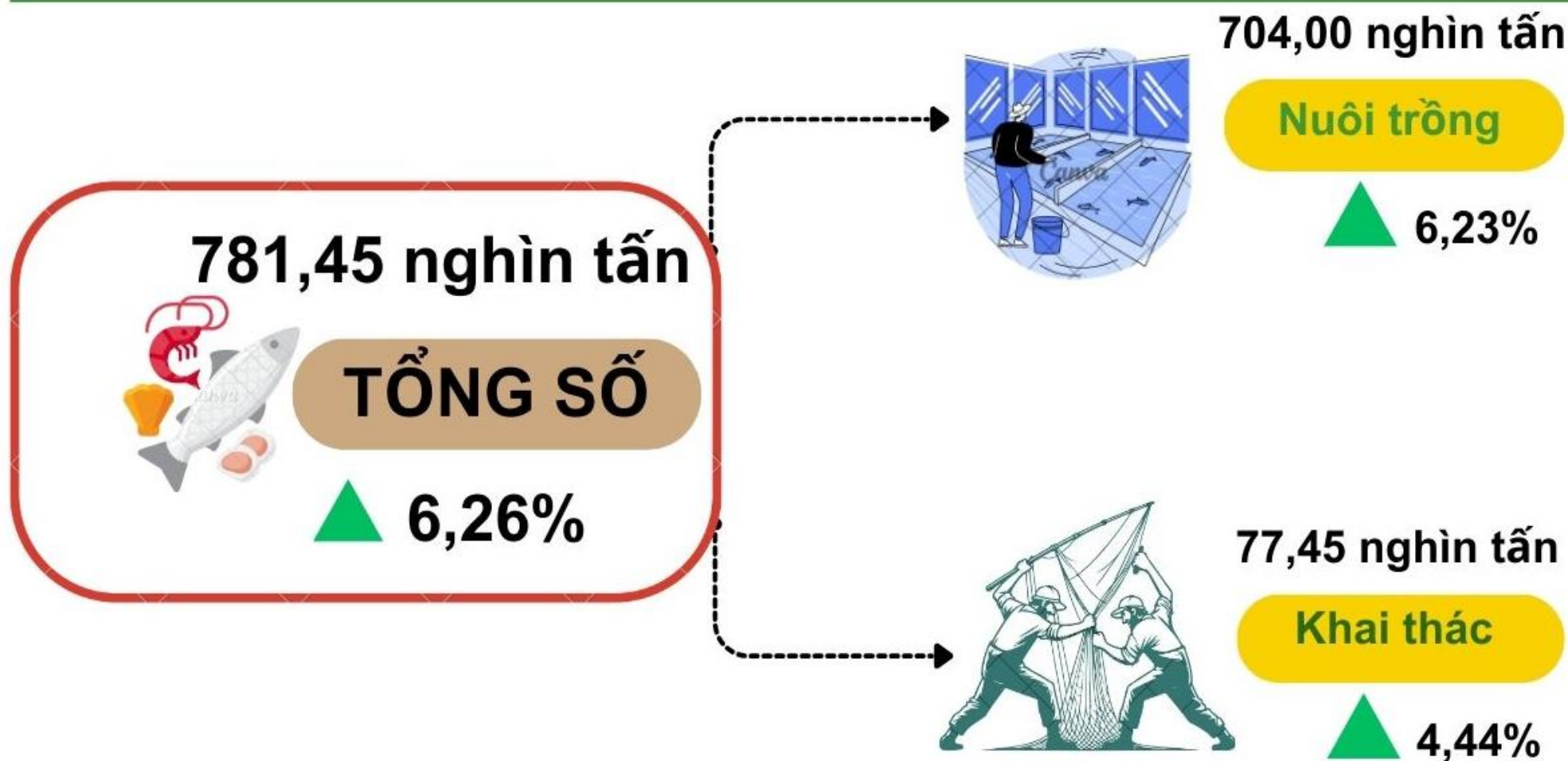
Gia cầm

16.107 nghìn con

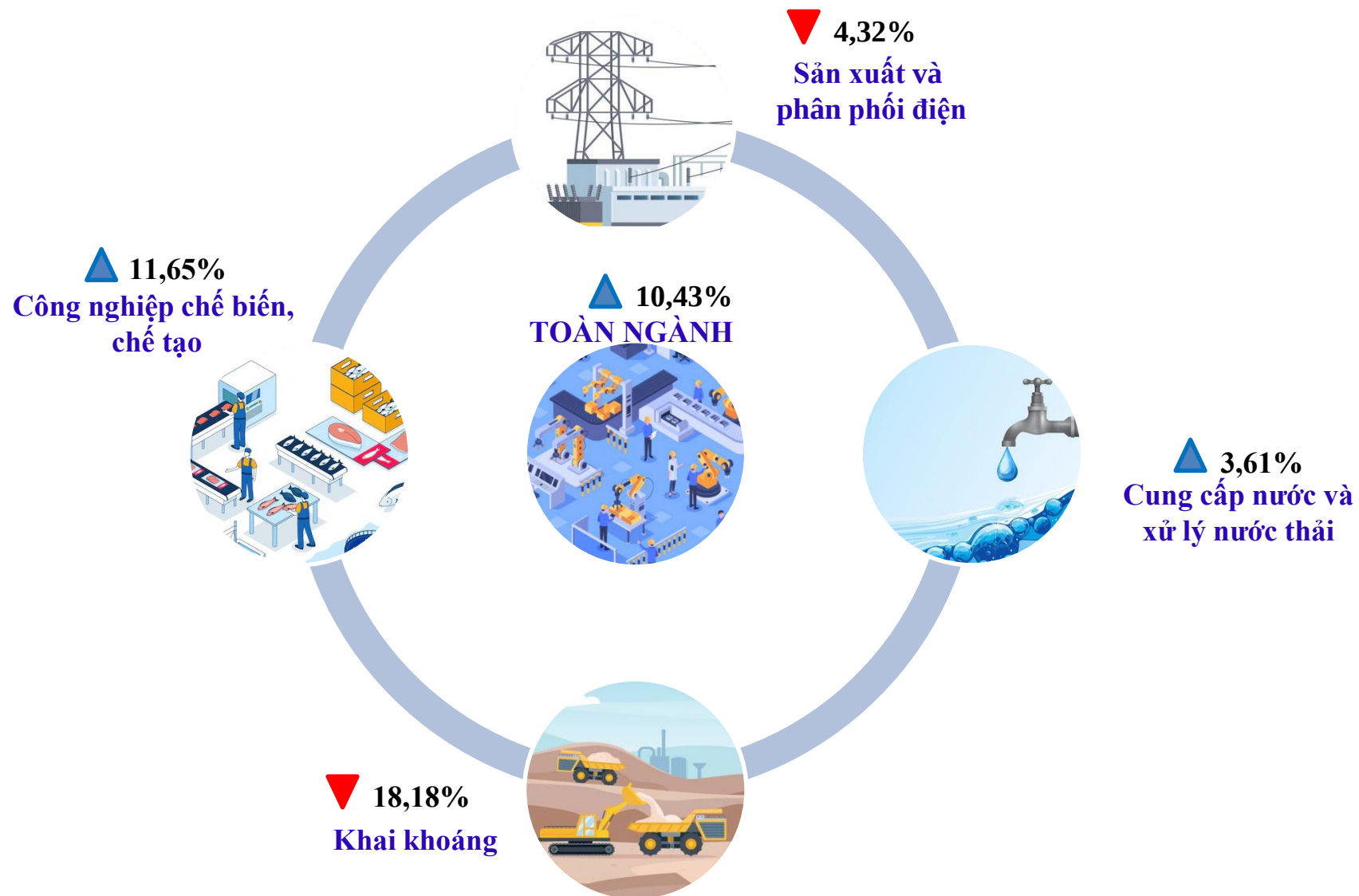
▲ 12,70%

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN

(so với cùng kỳ)



CÔNG NGHIỆP (so với cùng kỳ)



DOANH NGHIỆP (so với cùng kỳ)



4.635 DN

▲ **49,85%**

Doanh nghiệp đăng
ký thành lập mới

470 DN

▲ **29,12%**

Doanh nghiệp giải
thể tự nguyện

776 DN

▲ **22,59%**

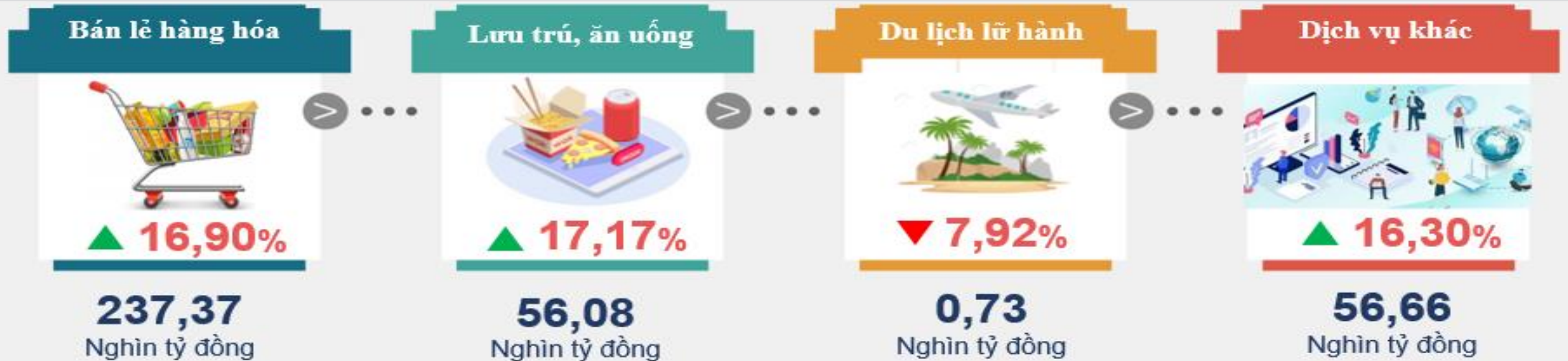
Doanh nghiệp quay
trở lại hoạt động

1.608 DN

▲ **20,72%**

Doanh nghiệp đăng ký
tạm ngừng kinh doanh

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (so với cùng kỳ)



DOANH THU VẬN TẢI (so với cùng kỳ)



NGÂN HÀNG



Vốn huy động

230.190

tỷ đồng

▲ **10%** so với cuối năm 2024



Dư nợ cho vay

329.110

tỷ đồng

▲ **14%** so với cuối năm 2024

Chưa bao gồm dư nợ của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính



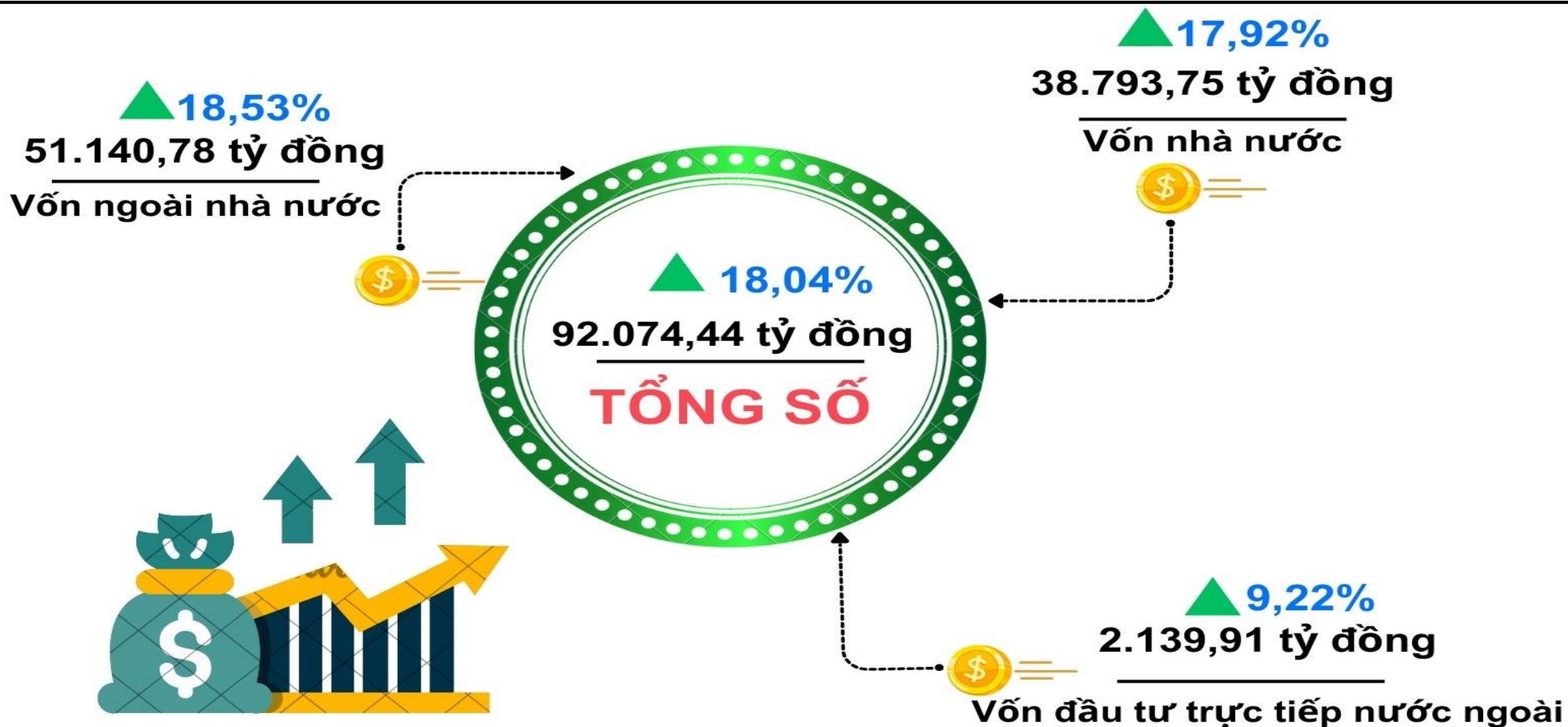
Nợ xấu

9.600

tỷ đồng

Chiếm **2,92%** tổng dư nợ cho vay

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN



THU CHI NGÂN SÁCH

TỔNG THU
(Dự toán Trung ương giao)
26.102 tỷ đồng
đạt 105,45%



Thu nội địa
25.239 tỷ đồng
đạt 105,44%



Thu hải quan
862,42 tỷ đồng
đạt 105,69%

TỔNG CHI
(Hội đồng nhân dân thành phố giao)
50.787 tỷ đồng
đạt 65,26%



Chi đầu tư phát triển
23.033 tỷ đồng
đạt 77,16%



Chi thường xuyên
26.689 tỷ đồng
đạt 106,59%

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)



CPI tháng 12/2025
so với tháng trước
▲ **0,53%**



CPI tháng 12/2025 so với
cùng kỳ năm trước
▲ **3,54%**



CPI bình quân quý IV/2025 so với
cùng kỳ năm 2024
▲ **3,28%**



Bình quân năm 2025
so với cùng kỳ năm trước
▲ **3,05%**

DÂN SỐ, LAO ĐỘNG

Dân số

3.224.937 người

▲ 0,56%



Lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên đang làm việc

1.673.707 người

▲ 3,10%

Tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2025



94,94 triệu đồng/người/năm

▲ 9,70% (so với năm 2024)

Dân số, lao động



GIÁO DỤC



**Số trường đạt chuẩn
quốc gia**

745 trường



**Mầm non
263 trường**



**Tiểu học
287 trường**



**Trung học cơ sở
152 trường**



**Trung học phổ thông
43 trường**

Y TẾ (so với cùng kỳ)



Sốt xuất huyết
4.961 trường hợp
tăng 2.368 trường hợp



Tay chân miệng
6.560 trường hợp
tăng 2.213 trường hợp



Sởi
308 trường hợp
giảm 81 trường hợp

GIAO THÔNG VÀ CHÁY NỔ

(so với cùng kỳ)



592 vụ

▼ 138 vụ

Số vụ tai nạn giao thông



387 người chết

▲ 53 người



346 người bị thương

▼ 212 người



24 vụ

▼ 02 vụ

Số vụ cháy nổ

Thiệt hại về tài sản

12,32 tỷ đồng

▼ 7,55 tỷ đồng